

Số: **154** /ĐHV-TCCB

V/v hướng dẫn quy trình nghỉ
hưởng chế độ BHXH

Nghệ An, ngày **16** tháng **02** năm 2017

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Căn cứ Nghị định số 115/2015/NĐ-CP
ngày 11/11/2015 quy định chi tiết một số điều của luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã
hội bắt buộc; Căn cứ Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ
Lao động - Thương binh và xã hội; Căn cứ Quyết định số 513/TCCB ngày 21/7/2006
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc hỗ trợ lương cho CBCCVC nghỉ
hưởng chế độ bảo hiểm ốm đau ngắn ngày; Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-Trường
Đại học Vinh ngày 18/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc trợ cấp
cho CBCCVC nghỉ việc do bệnh cần chữa trị dài ngày; Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ
Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-Trường Đại học Vinh ngày 30 tháng 12 năm
2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh (*sau đây gọi tắt là Quy chế chi tiêu nội bộ*);

Nhà trường quy định và hướng dẫn quy trình nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm
xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (*sau đây gọi tắt là
CBCCVC*) như sau:

I. NGHỈ HƯỞNG CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

1. Điều kiện nghỉ hưởng chế độ ốm đau

CBCCVC nghỉ việc do ốm đau, tai nạn mà không phải tai nạn lao động hưởng
BHXH phải có xác nhận của cơ sở y tế theo đúng quy định hiện hành.

Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự huỷ hoại sức khoẻ, do say
rượu hoặc sử dụng ma tuý, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định thì
không thuộc diện hưởng chế độ ốm đau.

CBCCVC có con dưới 07 (bảy) tuổi bị ốm đau, phải nghỉ việc để chăm sóc con
hưởng BHXH phải có xác nhận của cơ sở y tế theo đúng quy định hiện hành.

2. Thời gian được nghỉ hưởng chế độ ốm đau

2.1. Ốm đau ngắn ngày (*không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần*)

- | | |
|-------------------------------------------|--------------|
| - Đóng BHXH dưới 15 năm: | 30 ngày/năm; |
| - Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm: | 40 ngày/năm; |
| - Đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên: | 60 ngày/năm. |

2.2. Ốm đau dài ngày (*Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày ban hành kèm
theo Thông tư số 34/2013/TT-BYT ngày 28/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế*)

- Tối đa 180/năm ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần;
- Hết thời gian nghỉ tối đa mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ
ốm đau với mức thấp hơn nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng bảo
hiểm xã hội.

2.3. Con ốm đau (*không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần*)

- Con dưới 3 tuổi: 20 ngày/năm;
- Con từ đủ 3 tuổi đến dưới 7 tuổi: 15 ngày/năm.

3. Chế độ được hưởng trong thời gian nghỉ ốm đau

3.1. Chế độ do cơ quan BHXH chi trả

Mức hưởng chế độ ốm đau theo quy định là 75% mức tiền lương, tiền công đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ.

Đối với CBCCVC mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau không quá 180 ngày/năm (*tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần*). Hết thời gian 180 ngày mà vẫn tiếp tục điều trị thì mức hưởng chế độ ốm đau sẽ thấp hơn tùy thuộc vào số năm tham gia đóng BHXH, cụ thể là:

Đóng BHXH đủ 30 năm trở lên: hưởng 65% mức tiền lương hưởng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm: hưởng 55% mức tiền lương hưởng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Đóng BHXH dưới 15 năm: hưởng 45% mức tiền lương hưởng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

Nhà trường sẽ thanh toán số tiền trợ cấp cho CBCCVC sau khi được cơ quan BHXH duyệt hồ sơ.

3.2. Chế độ do Nhà trường chi hỗ trợ

Theo Quy chế Chi tiêu nội bộ hiện hành.

Riêng với chế độ ốm đau ngắn ngày: Hỗ trợ thêm 35% lương đóng BHXH trong những ngày nghỉ ốm hưởng chế độ BHXH; Chế độ ốm đau dài ngày, con ốm đau: Hỗ trợ thêm 25% lương đóng BHXH trong những ngày nghỉ hưởng chế độ BHXH.

Nhà trường tạm ứng trước 100% lương trong những ngày nghỉ hưởng chế độ ốm đau qua lương hàng tháng; Sau khi đã được cơ quan BHXH duyệt mức chi cụ thể, Phòng TCCB và Phòng KH-TC sẽ tính toán trừ vào số tiền đã tạm ứng và chi thêm phần chênh lệch.

4. Thủ tục xin nghỉ hưởng chế độ ốm đau

4.1. Nghỉ ốm đau ngắn ngày

- Điều trị ngoại trú tại Trạm Y tế Trường Đại học Vinh:

Hàng tháng, Trạm Y tế gửi danh sách CBCCVC nghỉ ốm và Phiếu nghỉ ốm theo mẫu C65-HD của tháng liền kề trước lên Phòng TCCB để theo dõi chấm công lao động và làm thanh toán chế độ ốm đau điều trị ngoại trú.

- Điều trị nội trú:

CBCCVC nộp Giấy ra viện (*bản gốc hoặc bản sao*) lên Phòng TCCB.

4.2. Nghỉ ốm đau dài ngày

- Điều trị ngoại trú: Giấy nghỉ ốm hưởng BHXH mẫu C65-HD

- Điều trị nội trú: Giấy ra viện (*bản gốc hoặc bản sao*)

- Biên bản Hội chẩn (*bản gốc hoặc bản sao*).

4.3. Nghỉ chăm sóc con ốm đau

- Giấy khám bệnh của con (*bản gốc hoặc bản sao*)

Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày nghỉ hưởng chế độ ôm đau, CBCCVC có trách nhiệm nộp hồ sơ về Phòng TCCB.

II. NGHỈ HƯỞNG CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Điều kiện nghỉ hưởng chế độ thai sản

- 1.1. CBCCVC nữ mang thai;
- 1.2. CBCCVC nữ sinh con;
- 1.3. CBCCVC nữ mang thai hộ và người mẹ nhở mang thai hộ;
- 1.4. CBCCVC nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi;
- 1.5. CBCCVC nữ đặt vòng tránh thai, người lao động thực hiện biện pháp triệt sản;
- 1.6. CBCCVC nam đang đóng bảo hiểm xã hội có vợ sinh con.
- 1.7. Đối với CBCCVC nữ sinh con, mang thai hộ, nhở mang thai hộ, nhận con nuôi dưới 6 tháng tuổi phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.
- 1.8. CBCCVC nữ sinh con đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 12 tháng trở lên mà khi mang thai phải nghỉ việc để dưỡng thai theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền thì phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 03 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con.

2. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản

- 2.1. Nghỉ khám thai (không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần)
 - a) Trong thời gian mang thai, CBCCVC được nghỉ việc để đi khám thai 05 lần, mỗi lần 01 ngày.
 - b) Trường hợp ở xa cơ sở khám, chữa bệnh, mang thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường, CBCCVC được nghỉ 02 ngày cho mỗi lần khám thai.
- 2.2. Nghỉ sảy thai, nạo, hút thai, thai chét lưu hoặc phá thai bệnh lý (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần)
 - a) Thai dưới 05 tuần tuổi: 10 ngày;
 - b) Thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi: 20 ngày;
 - c) Thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi: 40 ngày;
 - d) Thai từ 25 tuần tuổi trở lên: 50 ngày.
- 2.3. Nghỉ khi thực hiện các biện pháp tránh thai (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần)
 - a) Đặt vòng tránh thai: 7 ngày;
 - b) Thực hiện biện pháp triệt sản: 15 ngày.
- 2.4. Nghỉ sinh con (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần)
 - a) CBCCVC nam
 - Vợ sinh thường: 5 ngày;
 - Vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi: 7 ngày;
 - Vợ sinh đôi: 10 ngày.
 - Từ sinh 3 trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 3 ngày
 - Vợ sinh đôi trở lên phải phẫu thuật: 14 ngày.

Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản dành cho nam được tính trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày vợ sinh con.

b) CBCCVC nữ

- CBCCVC khi sinh con: được nghỉ 6 tháng.
- Trường hợp sinh đôi trở lên: từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con được nghỉ thêm 1 tháng.
- Các trường hợp khác ngoài hai trường hợp nêu trên được giải quyết theo Luật Bảo hiểm xã hội.

2.5. *Nghỉ khi nhận nuôi con nuôi (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần)*

CBCCVC khi nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi thì được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi.

Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản khi nhận nuôi con nuôi thì chỉ cha hoặc mẹ được nghỉ việc hưởng chế độ.

2.6. *Nghỉ khi mang thai hộ và nhờ mang thai hộ*

a) CBCCVC nữ mang thai hộ được hưởng chế độ khi khám thai, sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý và chế độ khi sinh con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho người mẹ nhờ mang thai hộ nhưng không vượt quá 06 tháng. Trong trường hợp kể từ ngày sinh đến thời điểm giao đứa trẻ mà thời gian hưởng chế độ thai sản chưa đủ 60 ngày thì người mang thai hộ vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 60 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

b) Người mẹ nhờ mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản từ thời điểm nhận con cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi.

Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, CBCCVC được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc, mà vẫn hưởng đủ lương.

3. Chế độ được hưởng trong thời gian nghỉ thai sản

3.1. Chế độ do cơ quan BHXH chi trả

a) Mức hưởng chế độ thai sản do cơ quan BHXH chi là 100% mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH của 6 tháng liền kề trước khi nghỉ hoặc mức bình quân tiền lương tháng của các tháng đã đóng BHXH nếu đóng BHXH chưa đủ 6 tháng.

b) Đối với CBCCVC nữ khám thai, CBCCVC nam nghỉ hưởng chế độ thai sản, mức hưởng một ngày tính bằng mức hưởng chế độ thai sản theo tháng chia cho 24 ngày.

c) Đối với CBCCVC sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý, thực hiện các biện pháp tránh thai thì mức hưởng một ngày được tính bằng mức trợ cấp theo tháng chia cho 30 ngày.

d) Khi CBCCVC sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi được trợ cấp một lần bằng 02 tháng lương tối thiểu chung cho mỗi con.

e) Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên được tính là thời gian đóng BHXH. Thời gian này, CBCCVC và Nhà trường không phải đóng BHXH, BHYT, BHTN.

f) Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi

- CBCCVC nữ sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi thì được trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con hoặc tháng nhận nuôi con nuôi.

- Trường hợp sinh con nhưng chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội thì cha được trợ cấp một lần bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con cho mỗi con.

3.2. Chế độ do Nhà trường chi hỗ trợ

Theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

Nhà trường tạm ứng trước 100% lương trong những ngày nghỉ thai sản qua lương hàng tháng; Sau khi đã được cơ quan BHXH duyệt mức chi cụ thể, Phòng TCCB và Phòng KH-TC sẽ tính toán trừ vào số tiền đã tạm ứng và chi thêm phần chênh lệch (*bao gồm cả trợ cấp một lần*).

4. Thủ tục xin nghỉ hưởng chế độ thai sản

- Bản sao Giấy khai sinh (*trường hợp vợ sinh*) hoặc Giấy chứng sinh của con;
- Bản gốc Phiếu phẫu thuật hoặc bản sao Giấy ra viện (*trường hợp sinh mổ*);
- Bản sao giấy chứng tử của con (*trường hợp con chết*);
- Bản sao Giấy chứng tử của mẹ (*trường hợp mẹ chết*);
- Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội đối với điều trị ngoại trú, bản chính hoặc bản sao giấy ra viện đối với trường hợp điều trị nội trú (*trường hợp khám thai, sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý, thực hiện biện pháp tránh thai*);
- Giấy chứng nhận nuôi con nuôi;
- Đối với CBCCVC nam khi chỉ có cha tham gia BHXH: Đơn xin hưởng chế độ trợ cấp một lần theo mẫu 11B-HSB (*mẫu kèm theo*);

Chậm nhất tối đa là 45 ngày sau khi nghỉ hưởng chế độ thai sản, CBCCVC có trách nhiệm nộp đủ hồ sơ thanh toán về phòng TCCB.

III. NGHỈ HƯỞNG CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHÈ NGHIỆP

1. Điều kiện nghỉ hưởng chế độ tai nạn, bệnh nghề nghiệp

1.1. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc;
- b) Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động;
- c) Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.

1.2. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại theo Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định về bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.

2. Mức hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

2.1. Chế độ do cơ quan BHXH chi trả

a) Trợ cấp một lần

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần.

Mức trợ cấp một lần được quy định như sau:

- Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở;

- Ngoài ra còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

b) Trợ cấp hàng tháng

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng được quy định như sau:

- Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở;

- Ngoài ra hàng tháng còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.

c) Phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình

Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì được cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niêm hạn căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật.

d) Trợ cấp phục vụ

Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì hàng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở.

e) Trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 lần mức lương cơ sở.

2.2. *Chế độ do Nhà trường chi hỗ trợ*

Theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

Nhà trường tạm ứng trước 100% lương trong những ngày nghỉ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp qua lương hàng tháng; Sau khi đã được cơ quan BHXH duyệt mức chi cụ thể, Phòng TCCB và Phòng KH-TC sẽ tính toán trừ vào số tiền đã tạm ứng.

3. Hồ sơ hưởng chế độ nghỉ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

3.1. Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động

a) Bản gốc hoặc bản sao Biên bản điều tra tai nạn lao động, trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì phải có thêm biên bản tai nạn giao thông hoặc biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông.

- b) Bản gốc hoặc bản sao Giấy ra viện sau khi đã điều trị tai nạn lao động.
- c) Bản gốc hoặc bản sao Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

3.2. Hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp

a) Bản gốc hoặc bản sao Biên bản đo đặc môi trường có yếu tố độc hại, trường hợp biên bản xác định cho nhiều người thì hồ sơ của mỗi người lao động có bản trích sao.

b) Bản gốc hoặc bản sao Giấy ra viện sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp, trường hợp không điều trị tại bệnh viện thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp.

c) Bản gốc hoặc bản sao Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

d) Đơn đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp.

IV. NGHỈ HƯỞNG CHẾ ĐỘ NGHỈ DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE SAU ỐM ĐAU, THAI SẢN, TAI NẠN LAO ĐỘNG

1. Điều kiện hưởng

1.1. Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau

Người lao động đã nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau đủ thời gian trong một năm theo Điều 5 của Quy định này, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày trong một năm.

1.2. Dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau thai sản

Lao động nữ ngay sau thời gian hưởng chế độ thai sản quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 9 của Quy định này, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày.

1.3. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật

Người lao động sau khi điều trị ổn định thương tật do tai nạn lao động hoặc bệnh tật do bệnh nghề nghiệp mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày.

2. Thời gian hưởng

2.1. Chế độ dưỡng sức sau ốm đau

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần. Trường hợp có thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ cuối năm trước chuyển tiếp sang đầu năm sau thì thời gian nghỉ đó được tính cho năm trước.

Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định như sau:

a) Tối đa 10 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do mắc bệnh cần chữa trị dài ngày;

b) Tối đa 07 ngày đối với người lao động sức khỏe chưa phục hồi sau thời gian ốm đau do phải phẫu thuật;

c) Bằng 05 ngày đối với các trường hợp khác.

2.2. Chế độ dưỡng sức sau thai sản

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần. Trường hợp có thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ cuối năm trước chuyển tiếp sang đầu năm sau thì thời gian nghỉ đó được tính cho năm trước.

Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định quyết định. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được quy định như sau:

- a) Tối đa 10 ngày đối với lao động nữ sinh một lần từ hai con trở lên;
- b) Tối đa 07 ngày đối với lao động nữ sinh con phải phẫu thuật;
- c) Tối đa 05 ngày đối với các trường hợp khác.

2.3. Chế độ dưỡng sức sau tai nạn lao động

Người lao động sau khi điều trị ổn định thương tật do tai nạn lao động hoặc bệnh tật do bệnh nghề nghiệp mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày.

3. Chế độ được hưởng

3.1. Chế độ do cơ quan BHXH chi trả

Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi nghỉ hưởng chế độ ốm đau và thai sản một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi nghỉ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một ngày bằng 25% mức lương cơ sở nếu nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại gia đình; bằng 40% mức lương cơ sở nếu nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại cơ sở tập trung.

3.2. Chế độ do Nhà trường chi hỗ trợ

Được hưởng 100% lương và các khoản mang tính chất lương trong những ngày nghỉ hưởng chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

4. Hồ sơ hưởng

- Trường hợp phẫu thuật: Phiếu mổ hoặc Giấy ra viện (*bản gốc hoặc bản sao*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đối với CBCCVC toàn Trường khi làm thủ tục nghỉ hưởng chế độ BHXH: Nộp đơn xin nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, dưỡng sức phục hồi sức khỏe đã được Trường đơn vị phê duyệt và hồ sơ nghỉ hưởng các chế độ BHXH theo quy định lên Phòng TCCB.

Đối với đơn vị: Chậm nhất ngày 25 hàng tháng các đơn vị nộp bảng chấm công của tháng trước liền kề về Phòng TCCB. **Nếu quá hạn sẽ tạm dừng trả lương của tháng tiếp theo.**

Đối với Trạm Y tế: Chậm nhất ngày 15 hàng tháng, Trạm Y tế nộp danh sách CBCCVC ốm đau ngã ngày kèm theo Phiếu nghỉ ốm hưởng chế độ BHXH theo mẫu C65-HD của tháng trước liền kề về Phòng Tổ chức Cán bộ để kiểm tra bảng chấm công của các đơn vị.

Sau khi nhận đủ hồ sơ, Phòng TCCB tập hợp hồ sơ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp để báo lên cơ quan BHXH Tỉnh Nghệ An giải quyết chế độ.

Sau khi BHXH Tỉnh Nghệ An xác nhận mức trợ cấp, giải quyết chế độ bằng văn bản, trên cơ sở đó Phòng TCCB lập danh sách đề nghị thanh toán cho cán bộ gửi về Phòng KHTC.

Sau khi xác nhận số tiền mà cơ quan BHXH Tỉnh Nghệ An chuyển về, và nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Phòng TCCB, chậm nhất sau 3 ngày Phòng KHTC phải kiểm tra, rà soát trình BGH phê duyệt thanh toán cho cán bộ qua tài khoản ngân hàng.

Phòng TCCB và Phòng KHTC có trách nhiệm cập nhật các quy định của Nhà nước về các vấn đề liên quan được nêu trong quy định này để trình Ban Giám hiệu xem xét và điều chỉnh kịp thời.

Trên đây là quy trình nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với CBCCVC. Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị thông báo đến toàn thể CBCCVC trong đơn vị biết để thực hiện./.

Noi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, TCCB.

46



GS.TS Đinh Xuân Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
HƯỚNG TRỢ CẤP THAI SẢN**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An

Họ tên: , Số sổ BHXH:,

Số CMND do cấp ngày tháng năm

Hiện cư trú tại:

Số điện thoại (nếu có):

Có thời gian tham gia BHXH là năm tháng

Nghỉ việc, không đóng BHXH từ tháng năm

Sinh con/Nhận nuôi con nuôi ngày tháng năm

Đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội xem xét, giải quyết chế độ thai sản cho tôi theo quy định.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)